



shū fu

舒服

Adjective · comfortable

Example Sentences

zhè zhāng shā fā hěn shū fu
这张沙发很舒服。

This sofa is very comfortable.

zhè zhāng chuáng hěn shū fu
这张床很舒服。

This bed is very comfortable.

zhè jiàn xīn mǎi de máo yī chuān qǐ lái fēi cháng shū fu
这件新买的毛衣穿起来非常舒服。

This newly bought sweater feels very comfortable to wear.

Trace each character, then write the word on your own.

舒	舒	舒	舒	舒	舒	舒	舒	舒	舒	舒
舒	舒	舒	舒							

服	服	服	服	服	服	服	服	服	服	服